

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

BÁO CÁO GIÁM SÁT NĂM 2021

Tháng 3 - 2022

Số ~~45.T.~~/NSHN-TCKT
V/v: Báo cáo giám sát năm 2021

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2022

Kính gửi : - Sở Tài chính Hà Nội
- Chi cục Tài chính doanh nghiệp

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát vốn nhà nước tại doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 77/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội báo cáo Sở Tài chính, Chi cục Tài chính doanh nghiệp về tình hình quản lý vốn, tài sản, kết quả sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty năm 2021 như sau:

1. Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021
Tổng nguồn vốn chủ sở hữu	3.412.686	3.451.220
Trong đó		
- Vốn góp của chủ sở hữu	3.117.117	3.412.000
- Quỹ đầu tư phát triển	295.538	39.220
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	31	0

Vốn chủ sở hữu trong kỳ đã được bảo toàn và phát triển.

2. Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước

2.1 Hoạt động đầu tư các dự án

(Biểu 02A – Tình hình đầu tư và huy động vốn để đầu tư vào các dự án hình thành TSCĐ và XDCB).

2.2 Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

Đến 31/12/2021, tình hình đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác như sau:

2.2.1 Đầu tư vào công ty con:

Đến 31/12/2021, số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội: 548.914 triệu đồng, chiếm 96,64% vốn điều lệ.

Do diễn biến phức tạp và ảnh hưởng trên diện rộng của dịch bệnh Covid-19, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội gặp nhiều khó khăn như suy giảm doanh thu, phát sinh thêm các chi phí trong công tác phục vụ phòng chống dịch. Tuy nhiên, khắc phục những khó khăn thách thức trên, Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội đã có những giải pháp, biện pháp quyết liệt, kịp thời ổn định hoạt động sản xuất cấp nước, đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế - tài chính được giao. Tổng doanh thu năm 2021 của Công ty: 494,1 tỷ đồng (đạt 104,55% kế hoạch); lợi nhuận sau thuế 16,6 tỷ đồng (đạt 122% kế hoạch).

Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua tỷ lệ chia cổ tức đối với kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021. Mức chi trả cổ tức năm 2021 dự kiến là 1,2% vốn điều lệ.

2.2.2 Đầu tư vào công ty liên kết:

2.2.2.1 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Viwaco:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 19.655,3 triệu đồng. Số lượng cổ phần nắm giữ: 7.584.880 cổ phần, chiếm 23,7% vốn điều lệ. Trong năm 2021, Công ty cổ phần Viwaco đã tăng vốn điều lệ từ 160 tỷ đồng lên 320 tỷ đồng (theo phương thức phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2020).

- Công ty Cổ phần Viwaco đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2021 là 9.481 triệu đồng; tỷ lệ chia cổ tức là 25% vốn điều lệ (Công ty Nước sạch Hà Nội đã hạch toán vào thu nhập hoạt động tài chính theo đúng quy định).

- Tổng doanh thu năm 2021 của Công ty: 666,2 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 74,2 tỷ đồng. Mức chi cổ tức năm 2021 dự kiến 12,5% vốn điều lệ.

2.2.2.2 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hạ tầng Nước sạch Hà Nội:

- Số vốn đã góp của Công ty Nước sạch Hà Nội: 2 tỷ đồng, chiếm 20% vốn điều lệ. Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và thông qua phương án không phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020 theo biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/10/2021.

- Năm 2021, do tình hình dịch bệnh Covid-19 hoạt động SXKD của Công ty cổ phần gặp nhiều khó khăn. Tổng doanh thu năm 2021 của Công ty: 21.765 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là 12,6 triệu đồng.

2.2.2.3 Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước mặt Sông Hồng:

- Số vốn đã góp của Công ty Nước sạch Hà Nội đến hết năm 2021 là 47.964 triệu đồng, chiếm 8,65% vốn điều lệ trong tổng số vốn điều lệ dự kiến tham gia là 20%. Năm 2021, Công ty CP Nước mặt Sông Hồng đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào kinh doanh. Hiện nay, công ty đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, đang thực hiện phần xây dựng nhà máy.

2.2.2.4 Đầu tư vào Công ty cổ phần Tháp nước Hà Nội:

- Số vốn góp của Công ty Nước sạch Hà Nội tại Công ty Cổ phần Tháp nước Hà Nội: 59.340 triệu đồng, chiếm 30% vốn điều lệ.

- Kết quả kinh doanh năm 2021: Tổng doanh thu: 67.819 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế: 1.181 triệu đồng.

2.2.3 Đầu tư khác (Góp vốn vào Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống: số vốn đã góp 99.961 triệu đồng, chiếm 10% vốn điều lệ).

Tính đến 31/12/2021, Công ty đã đi vào hoạt động và phát nước nhà máy nước thuộc Dự án đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt Sông Đuống. Tuy nhiên, hiện nay nhà máy chưa thể tối đa công suất do mạng lưới đường ống cấp nước tại các khu vực thuộc phạm vi cấp nước của dự án chưa được xây dựng đầy đủ theo tiến độ dự kiến. Ngoài ra, do tác động của dịch bệnh Covid-19 nên sản lượng cấp nước cho khách hàng suy giảm đáng kể; giá thành nước trong giai đoạn đầu sản xuất cao. Bên cạnh đó, do dự án chưa được phê duyệt phương án giá chính thức (Công ty CP Nước mặt sông Đuống đã xây dựng phương án trình Sở Tài chính thẩm định) nên chưa có cơ sở báo cáo thành phố xem xét cấp bù giá. Vì vậy, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đến 31/12/2021, Công ty cổ phần Nước mặt Sông Đuống lỗ 403 tỷ đồng; lỗ lũy kế 854 tỷ đồng. Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính theo đúng quy định tại Thông tư 48/2020/TT-BTC ngày 8/8/2020 của Bộ Tài chính.

Tháng 12/2021, Công ty Cổ phần Nước mặt sông Đuống đã ký phụ lục hợp đồng mua bán buôn nước sạch với Công ty Nước sạch Hà Nội và Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội điều chỉnh giá bán buôn từ 7.700 đ/m³ thành 5.069,76 đ/m³ (bằng mức giá bán buôn của nhà máy nước sông Đà).

2.3 Huy động vốn và sử dụng vốn (phụ lục 02 A chi tiết kèm theo)

Việc cân đối nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, đáp ứng đầy đủ nguồn vốn ngắn hạn, dài hạn cho hoạt động của công ty.

Vốn vay được sử dụng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, trả nợ đúng hạn. Công ty không có nợ quá hạn tại các tổ chức tín dụng. Giá trị vốn vay giải ngân trong năm là 93,21 tỷ đồng.

2.4 Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ tại doanh nghiệp, khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu

2.4.1 Quản lý, sử dụng tài sản:

a. Quản lý tài sản ngắn hạn:

- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản = 28,11%
- Tiền và các khoản tương đương tiền: 311.951 triệu đồng.
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: 970.000 triệu đồng.
- Các khoản phải thu ngắn hạn: 164.356 triệu đồng (chiếm 2,86% tổng tài sản).
- Quản lý hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác: Hàng tồn kho 87.675 triệu đồng, tài sản ngắn hạn khác 83.118 triệu đồng.

b. Quản lý tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn/Tổng tài sản = 71,89%. Trong đó, tài sản dài hạn chủ yếu là tài sản cố định.

c. Quản lý nợ phải trả:

Đến ngày 31/12/2021, nợ phải trả của Công ty là 2.185.518 triệu đồng, chiếm 37,99% tổng nguồn vốn, trong đó chủ yếu là khoản phải trả, phải nộp liên quan đến các dự án nguồn vốn ngân sách ứng trước có hoàn trả từ khấu hao TSCĐ và các khoản vay, nợ dài hạn phục vụ cho đầu tư phát triển (hiện tại Công ty đang thực hiện thanh toán nợ phải trả theo hợp đồng, đúng kỳ hạn, không có nợ quá hạn).

Công ty đã mở sổ theo dõi nợ phải trả cho từng đối tượng theo quy định. Công ty đã ban hành Quy chế quản lý nợ theo Quyết định 869/NSHN-HĐTV ngày 10/6/2014. Công nợ được quản lý chặt chẽ, hàng năm việc đối chiếu công nợ được thực hiện theo quy định trước khi khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Công ty không có công nợ phải trả quá hạn.

- Khả năng thanh toán hiện hành = Tổng tài sản/Nợ phải trả: 2,63 lần
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn = Tổng TS ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn: 2,92 lần.
- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu = 0,63 lần.

Qua các chỉ tiêu trên cho thấy, Công ty đảm bảo được khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nợ đến hạn.

2.4.2 Tình hình lưu chuyển tiền tệ

Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của công ty ổn định, lượng tiền lưu thông đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Dòng tiền chi của hoạt động đầu tư chủ yếu phục vụ việc mua sắm tài sản, đầu tư có kỳ hạn; thu từ hoạt động đầu tư là cổ tức từ việc đầu tư vào công ty liên kết, thanh lý nhượng bán tài sản cố định cũ hỏng, không có nhu cầu sử dụng.

Dòng tiền thu từ hoạt động tài chính là từ vay vốn các tổ chức tín dụng, dòng tiền chi là lợi nhuận đã trả cho chủ sở; thanh toán lãi vay, nợ gốc vay cho Ngân hàng và các Công ty cho thuê tài chính.

3. Giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Ngày 26/04/2021, UBND thành phố có văn bản số 1880/QĐ-UBND giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2021 của Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội.

Đến 31/12/2021, tình hình thực hiện kế hoạch năm 2021 của công ty như sau:

3.1 Doanh thu và thu nhập khác:

- Tổng doanh thu 1.649.362 triệu đồng, bằng 93,45% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, trong đó:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 1.567.700 triệu đồng.

+ Thu nhập hoạt động tài chính: 77.309 triệu đồng (bao gồm lãi tiền gửi có kỳ hạn, chênh lệch tỉ giá ngoại tệ, cổ tức được chia trong năm tại của công ty con, công ty liên kết).

+ Hoạt động khác gồm doanh thu ghi nhận từ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt để lại và hoạt động bán vật tư, tổng cộng 8.719 triệu đồng.

+ Thu nhập bất thường 4.353 triệu đồng do ghi nhận từ thanh lý và nhượng bán tài sản.

- Công ty đã thực hiện mở sổ theo dõi chi tiết doanh thu và thu nhập trong các năm tài chính.

Tổng doanh thu năm 2021 của Công ty đạt 93,45% kế hoạch Ủy ban nhân dân TP Hà Nội giao do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 tác động làm suy giảm nhu cầu sử dụng nước của khách hàng, đặc biệt là các khách hàng sử dụng nước cho mục đích kinh doanh, dịch vụ; sản xuất vật chất; các trường học... Bên cạnh đó trong năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nhiều dự án đầu tư, cải tạo của Công ty không thực hiện được hoặc thực hiện chậm tiến độ (do tác động của thời gian giãn cách), Công ty đã tận dụng nguồn tiền tạm thời nhàn rỗi để tăng thu nhập tài chính, vì vậy thu nhập từ hoạt động tài chính vượt kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, tỉ giá đồng Yên Nhật giảm đáng kể nên khi đánh giá lại khoản nợ vay ngoại tệ theo quy định công ty đã được hạch toán thu nhập tài chính đối với khoản chênh lệch tỉ giá khoảng 18 tỷ đồng.

3.2 Chi phí:

Tổng chi phí trong năm 2021 Công ty đã thực hiện chi là 1.486.064 triệu đồng, trong đó giá vốn hàng bán: 743.081 triệu đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp: 67.322 triệu đồng, chi phí bán hàng: 546.272 triệu đồng, chi phí tài chính: 120.002 triệu đồng, chi phí khác: 9.387 triệu đồng.

Trong năm, để khắc phục ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 và đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch Ủy ban nhân dân Thành phố giao, Công ty đã thực hiện các biện pháp tiết giảm, giãn hoãn nhiều chi phí như giãn thời gian phân bổ công cụ dụng cụ, chi phí thay thế đồng

hồ định kỳ, chi phí khấu hao TSCĐ; chỉ thực hiện sửa chữa, cải tạo các hạng mục công trình thực sự cấp thiết, để đảm bảo an toàn cấp nước ổn định cho khách hàng, tăng cường kiểm tra áp giá, đẩy mạnh công tác chống thất thoát thất thu chủ động....

3.3 Kết quả sản xuất kinh doanh:

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 163.299 triệu đồng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế: 129.715 triệu đồng, bằng 100,05 % kế hoạch.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) = 3,79%.
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) = 2,19%

Đánh giá chung: Năm 2021 là một năm khó khăn với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Nước sạch Hà Nội khi nền kinh tế cả nước có dấu hiệu suy giảm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Tổng doanh thu toàn Công ty từ các hoạt động trong năm 2021 đạt 1.649.362 triệu đồng tương đương 93.45% kế hoạch Ủy ban nhân dân TP Hà Nội giao, (trong đó doanh thu hoạt động nước chỉ đạt 1.541.669 triệu đồng tương đương 91.65% kế hoạch). Doanh thu tiền nước sụt giảm mạnh do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, để hoàn thành các chỉ tiêu tài chính được giao, Công ty đã thực hiện các biện pháp tiết giảm, giãn hoãn nhiều chi phí cũng như tận dụng nguồn tiền nhàn rỗi do chưa giải ngân cho công tác đầu tư để tăng thu nhập hoạt động tài chính. Vì vậy, ngoài chỉ tiêu tổng doanh thu không đạt kế hoạch, các chỉ tiêu kế hoạch do Ủy ban nhân dân TP Hà Nội giao Công ty đều hoàn thành tốt.

3.4 Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước kịp thời, đúng quy định. Tổng số đã nộp ngân sách trong năm 2021 là 425.911 triệu đồng.

3.5 Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

Đến ngày 31/12/2021, Công ty đã thực hiện tạm trích các quỹ và nộp lợi nhuận còn lại năm 2020 vào ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: Trích 30% số lợi nhuận được phân phối vào quỹ đầu tư phát triển, số tiền: 38.473.325.647 đồng.
- Trích quỹ thưởng viên chức doanh nghiệp 279.324.046 đồng.
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 55.134.830.060 đồng (1,5 tháng lương thực hiện)

Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế sẽ được điều chỉnh sau khi được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt chính thức.

4. Giám sát việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác.

4.1 Việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp:

Đối với công tác này ngày 26/08/2021, Công ty đã có công văn số 2036/NSHN-TCKT gửi Sở Tài chính về việc báo cáo kết quả cổ phần hóa, thoái vốn giai đoạn 2016-2020 và đề xuất phương án thực hiện giai đoạn 2021-2025 như sau:

“1. Tạm thời chưa cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội trong giai đoạn 2021-2025 (giữ nguyên mô hình Công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con) để đảm bảo ổn định hoạt động, ổn định sản xuất cấp nước và thực hiện quy hoạch cấp nước thủ đô theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Trong giai đoạn tiếp theo, trên cơ sở đánh giá tình hình quản lý cấp nước chung của thành phố Hà Nội và cả nước để xem xét đề xuất lộ trình và phương thức thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội, trong đó vốn Nhà nước vẫn giữ chi phối (từ trên 65% trở lên) hoặc không cổ phần hóa.”

4.2 Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết:

a. Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại Công ty con:

- Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội: vốn góp 548.914 triệu đồng, chiếm 96,64% vốn điều lệ. Tại văn bản số 5506/STC-TCDN ngày 27/8/2020, Sở Tài chính đã báo cáo UBND thành phố Hà Nội và đề xuất nguyên tắc điều chỉnh “Đối với các ngành nghề kinh doanh phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp nhà nước thì dừng thực hiện thoái vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước để tập trung hoàn thành công tác cổ phần hóa theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ”.

Tại công văn số 2036/NSHN-TCKT ngày 26/08/2021 gửi Sở Tài chính về việc báo cáo kết quả cổ phần hóa, thoái vốn giai đoạn 2016-2020, Công ty Nước sạch Hà Nội đã có kiến nghị như sau:

“... ”

3. Cho phép Công ty Nước sạch Hà Nội dừng thoái vốn tại Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội, giá trị vốn đầu tư vào Công ty Nước sạch số 2 Hà Nội sẽ được xác định vào giá trị doanh nghiệp theo quy định hoạt động Công ty mẹ - công ty con và khi thực hiện cổ phần hóa Công ty Nước sạch Hà Nội.”

b. Việc cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Viwaco: vốn góp 19.655,3 triệu đồng, chiếm 23,7% vốn điều lệ.
- Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng hạ tầng Nước sạch Hà Nội: vốn góp 2 tỷ đồng, chiếm 20% vốn điều lệ.
- Công ty cổ phần nước mặt Sông Hồng: đến nay đã góp theo lộ trình là 47.964 triệu đồng, chiếm 8,65% vốn điều lệ trong tổng số vốn điều lệ dự kiến tham gia là 20%.

Các doanh nghiệp trên không có trong danh mục thoái vốn của Công ty.

- Công ty cổ phần Tháp nước Hà Nội, đã góp 59.340 triệu đồng, chiếm 30% vốn điều lệ. Ngày 26/08/2021, Công ty đã có công văn số 2036/NSHN-TCKT gửi Sở Tài chính về việc đề xuất phương án cho phép Công ty Nước sạch Hà Nội tiếp tục thực hiện thoái vốn nhà nước đầu tư tại Công ty Cổ phần Tháp nước Hà Nội. Hiện tại, Công ty đang giao cho tổ công tác thực hiện các nội dung chuẩn bị cho công tác thoái vốn theo quy định.

c. Đầu tư khác

- Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống, theo chỉ đạo của UBND thành phố Hà Nội, Công ty Nước sạch Hà Nội góp 10% vốn điều lệ, hiện đã: vốn góp 99.961 triệu đồng, tương đương 10% vốn điều lệ. Ngày 24/12/2021, Công ty Nước sạch Hà Nội đã kí phụ lục hợp đồng số 02 – Hợp đồng số 58/NSHN-HĐ với Công ty Cổ phần nước mặt Sông Đuống về việc thống nhất giá tạm thanh toán khối lượng nước cung cấp qua đồng hồ tổng của nhà máy nước mặt Sông Đuống là 5.069,76 đ/m³ (chưa bao gồm thuế).

5. Giám sát thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định của Bộ luật Lao động.

Ngày 31/12/2021, Ủy ban nhân dân TP Hà Nội đã ban hành văn bản số 4782/UBND-KGVX về việc phê duyệt tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của người quản lý Công ty Nước sạch Hà Nội. Theo đó quỹ tiền lương thù lao của 9 người quản lý năm 2021 là 2.367.691.248 đồng. Năm 2021, Công ty đã thực hiện chi trả: 2.219.440.000 đồng. Số còn phải trả: 148.251.248 đồng.

Số tiền lương còn lại phải trả cho Người quản lý, Kiểm soát viên của Công ty sẽ thực hiện sau khi có kết quả đánh giá hoàn thành nhiệm vụ theo quy định.

Quỹ lương thực hiện của người lao động trong năm 2021 là: 208.992.350.988 đồng. Đến nay, Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện chi trả tiền lương cho người lao động theo đúng quy định pháp luật.

Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội kính báo cáo Sở Tài chính, Chi cục tài chính doanh nghiệp.

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐTV (để b/c)
- KSV Công ty
- Lưu

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
NƯỚC SẠCH HÀ NỘI**



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hùng

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án				Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2021			Giải ngân năm 2021			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng															
			A	B	C	KT KT		Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong năm 2021	Đến 31/12/2021	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong năm 2021	Đến 31/12/2021																
TỔNG CỘNG																					803,153	528,274	66%	274,879	34%	-	-	0.0%	111,908	102,624	214,532	98,746	230,605	329,351	152,417			
I Các dự án nguồn																					38,900	38,900	100%	-	0%	-	-	0.0%	-	-	-	-	-	-	283	283	-	
A Các dự án nhóm B																																						
<i>Không có</i>																																						
B Các dự án nhóm C và BCKTKT																																						
1	Xây dựng hệ thống thu hồi nước rửa lọc của NMN Ngô Sĩ Liên	Cải tạo dây chuyền xử lý nước				Số 3164/NSHN-CTCN ngày 11/12/2021	8,900	8,900	100%	-	0%	2021							283	283																		
2	Xây dựng hệ thống thu hồi nước rửa lọc của NMN Lương Yên	Cải tạo dây chuyền xử lý nước					10,000	10,000	100%	-	0%	2021																										
3	Xây dựng hệ thống thu hồi nước rửa lọc của NMN Ngọc Hà	Cải tạo dây chuyền xử lý nước					10,000	10,000	100%	-	0%	2021																										
4	Cải tạo nhà Clo và hóa chất của NMN Yên Phụ	Cải tạo dây chuyền xử lý nước					10,000	10,000	100%	-	0%	2020																										
II Các dự án Chống TTTT																					672,896	398,017	59%	274,879	41%	-	-	-	107,123	92,930	200,053	90,394	221,601	311,995	140,183			
A Các dự án nhóm B, C và BCKTKT																																						
1	Cải tạo HTCN tuyến PP và dịch vụ Ô5 A+B - Cầu Giấy	Cải tạo tuyến ống PP và Dịch vụ . Số KH : 10,360 KH				QĐ 3172/NSHN-CTCN ngày 27/10/2018	64,012	64,012	100%	-	0%	2020-2021				38,845	16,336	55,181	36,383	18,558	54,941	50,612																
2	Cải tạo HTCN tuyến PP và dịch vụ Ô5D - Cầu Giấy	Cải tạo thay thế đồng hồ				QĐ 1807/NSHN-CTCN ngày 11/8/2020	60,063	60,063	100%	-		2020-2021				624	1,441	2,065	1,136	40,047	41,183																	
3	Cải tạo HTCN tuyến PP và dịch vụ Ô5C - Cầu Giấy	Cải tạo thay thế đồng hồ				QĐ 1316/NSHN-CTCN ngày 15/6/2021	55,588	26,130	47%	29,458		2020-2021				-	-	-	-	477	477																	
4	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thu khu vực Ô21 Hai Bà Trưng	Cải tạo tuyến ống PP và Dịch vụ . Số KH :16,120 KH				QĐ 3071/NSHN-CTCN ngày 19/10/2018	118,991	54,292	46%	64,699	54%	2020-2021				65,120	31,589	96,709	50,393	46,190	96,583	89,571																
5	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thu khu vực Ô19D Hai Bà Trưng	Cải tạo thay thế đồng hồ				QĐ 2379/NSHN-CTCN ngày 28/10/2020	37,649	15,621	41%	22,028	59%	2020-2021				1	395	396	119	11,995	12,114																	

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án			Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2021			Giải ngân năm 2021			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng		
			A	B	C		KT	KT	Tổng	Vốn chủ sở hữu	%		Vốn huy động	%	Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong năm 2021	Đến 31/12/2021	Kỳ trước chuyển sang		Thực hiện trong năm 2021	Đến 31/12/2021
IV	Các dự án khác						35,357	35,357		-		6,060	-	-	-	4,785	6,997	11,782	7,268	7,131	14,399	9,538		
A	Các dự án nhóm C và BCKTKT																							
1	Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu bằng công nghệ GIS mạng phân phối, dịch vụ cho các đơn vị KDNS còn lại và xây dựng phần mềm Dashboard	Mua thiết bị phần cứng; Xây dựng bản đồ nền Web Map; Xây dựng bản đồ mạng lưới phân phối, dịch vụ cho các đơn vị KDNS còn lại				x	518/NSHN-CTCN ngày 12/3/2021	7,900	7,900	100%	-	0%	2020-2021				-	532	532	-	3,165	3,165		
2	Xây dựng tuyến ống cấp nước bổ sung nguồn nước cho NMN Hạ Đình	Bổ sung tuyến ống để tăng cường cấp nước				x	Số 2284/NSHN-CTCN ngày 17/10/2020	6,878	6,878	100%	-	0%	2020				391	5,573	5,964	2,433	3,515	5,948	5,477	
3	Xây dựng tuyến ống cấp nước bổ sung nguồn nước cho NMN Pháp Vân	Bổ sung tuyến ống để tăng cường cấp nước				x	Số 1462/NSHN-CTCN ngày 10/7/2020	4,679	4,679	100%	-	0%	2020				4,334	114	4,448	4,153	295	4,448	4,061	
4	Xây dựng phần mềm Quản lý dự án cho các đơn vị đại diện chủ đầu tư	Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý				x		900	900	100%	-	0%	2020				60	778	838	682	156	838		
5	Kết nối tuyến ống D600 Phú Thượng - Ciputra	Xây dựng mới MLCN						15,000	15,000	100%	-	0%	2021-2022											

Ghi chú: Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền. Các dự án nêu trên là dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2022

CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng

Hoar

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn điều lệ 31/12/2021	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty con công ty liên kết
		Giá trị vốn góp			Tỷ lệ vốn góp (%)					Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021				
		Kế hoạch	Tại thời điểm 31/12/20	Tại thời điểm 31/12/21	Kế hoạch	Tại thời điểm 31/12/20	Tại thời điểm 31/12/21										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Công ty con																
1	CTCP Nước sạch số 2 Hà Nội		548,914	548,914		96.64%	96.64%	568,000	568,000	452,557	494,087	13,368	16,593	6,422	1.17%	> 1	1.29
II	Công ty liên kết																
1	CTCP Viwaco		19,655	19,655		23.70%	23.70%	320,000	320,000	653,283	666,214	72,802	74,180	9,481	25%	> 1	1.10
2	CTCP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Nước sạch Hà Nội		2,000	2,000		20.00%	20.00%	10,000	10,000	18,943	21,765	11	13			>1	1.24
3	CTCP nước mặt Sông Hồng		47,964	47,964		8.65%	8.65%	554,655	282,786	1	1	(211)	(69)				3.88
4	CTCP Tháp nước Hà Nội		59,340	59,340		30.00%	30.00%	197,800	197,800	652,375	67,819	34,928	1,181			<1	2.26
III	Đầu tư tài chính		1,059,961	1,069,961		-	0	0	x	x	x	x	x	x	x	x	x
1	CTCP nước mặt Sông Đuống		99,961	99,961		10.00%	10.00%	999,611	999,611	~ 331,712	179,668	~ (264,642)	(403,140)			<1	4.11
2	Đầu tư tài chính khác		960,000	970,000													

Ghi chú:

Cột "3" đến "8": số vốn góp, vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty con, công ty liên kết, giá gốc của các khoản đầu tư

Cột "9": Vốn Điều lệ của công ty con, công ty liên kết

Cột "10": Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm báo cáo

Cột "11" và "12": doanh thu của công ty con, công ty liên kết

Cột "13" và "14": Lợi nhuận của công ty con, công ty liên kết

Cột "15": Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp có vốn góp

Các cột có đánh dấu x không cần điền dữ liệu

Đánh giá của doanh nghiệp

Đánh giá của doanh nghiệp về hiệu quả đầu tư vốn tại công ty con, công ty liên kết: Đến hết tháng 12/2021, việc đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên kết đúng quy định.

Các công ty con, công ty liên kết đều hoạt động ổn định. Đối với các công ty đang thực hiện triển khai xây dựng (Công ty CP Nước mặt Sông Hồng) đã có bộ máy tài chính kế toán hoàn chỉnh, thực hiện các hoạt động đầu tư theo đúng quy định pháp luật.

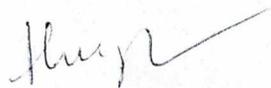
Đánh giá của doanh nghiệp về hiệu quả đầu tư tài chính năm báo cáo: Các công ty con, công ty liên kết đều hoạt động kinh doanh có lợi nhuận.

Đối với khoản đầu tư góp 10% vốn cổ phần tại Công ty CP Nước mặt Sông Đuống: đến thời điểm hiện tại, Công ty Sông Đuống đã chính thức phát nước thương mại, vận hành hệ thống bán buôn nước ổn định. Do dự án chưa được thành phố phê duyệt giá bán buôn chính thức nên tính đến thời điểm hiện tại, Công ty CP Nước mặt Sông Đuống đang lỗ lũy kế. Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện trích lập dự phòng theo quy định.

Công ty còn đầu tư tài chính qua việc gửi tiền ngân hàng, các khoản này chủ yếu gửi ngắn hạn và sẵn sàng để đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các ngân hàng dịch vụ là các ngân hàng ổn định tài chính, có uy tín.

Người lập biểu

(Ký)



Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc

(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hùng

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

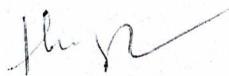
ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2019	Cùng kỳ năm 2020	Thực hiện năm 2021		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2019	Cùng kỳ năm 2020	Kế hoạch năm
	1	2	3	4	5=(4)/(1)	6=(4)/(2)	7=(4)/(3)
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu	227,125,623	226,715,962	230,496,007	220,840,506	97.23%	97.41%	95.81%
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu	191,609,193	190,993,021	199,005,424	188,840,803	98.56%	98.87%	94.89%
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,686,687	1,644,221	1,715,300	1,567,700	92.95%	95.35%	91.40%
2. Giá vốn hàng bán	796,857	806,534	772,306	743,082	93.25%	92.13%	
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	889,830	837,687	942,994	824,618	92.67%	98.44%	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	51,069	75,125	49,700	77,309	151.38%	102.91%	155.55%
5. Chi phí tài chính	120,538	131,618	132,299	120,002	99.56%	91.17%	
6. Chi phí bán hàng	570,998	560,373	577,682	546,272	95.67%	97.48%	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	74,657	75,174	125,650	67,322	90.18%	89.55%	
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	174,706	145,647	157,063	168,332	96.35%	115.58%	
9. Thu nhập khác	1,069	12,715		4,353	407.20%	34.24%	

Nội dung	Cùng kỳ năm 2019	Cùng kỳ năm 2020	Thực hiện năm 2021		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2019	Cùng kỳ năm 2020	Kế hoạch năm
	1	2	3	4	5=(4)/(1)	6=(4)/(2)	7=(4)/(3)
10. Chi phí khác	512	2,958		9,387	1833.40%	317.34%	
11. Lợi nhuận khác	557	9,757	0	-5,034	-903.77%	-51.59%	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	175,263	155,404	157,063	163,298	93.17%	105.08%	103.97%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30,840	25,828	27,413	33,583	108.89%	130.03%	122.51%
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		1320					
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	144,423	128,256	129,650	129,715	89.82%	101.14%	100.05%

Ghi chú: Cột (1), (2): Theo BCTC các năm trước liền kề năm Báo cáo. Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính

Người lập biểu
(Ký)



Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng

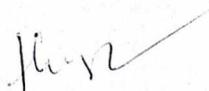
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 115/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	DVT	Kế hoạch 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm?	m3	230,496,007	220,840,506	95.81%	97.41%
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu?	m3	-	-		
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu?		-	-		
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	trđ	1,439,526	1,332,306	92.55%	94.99%
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	trđ	1,682,052	1,541,669	91.65%	95.96%

Người lập biểu
(Ký)



Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế				
- Thuế môn bài	-	11,000,000	11,000,000	-
- Thuế GTGT	(188,811,822)	1,175,472,550	760,581,405	226,079,323
- Thuế TNDN	22,961,038,691	33,583,288,393	60,633,358,785	(4,089,031,701)
- Thuế đất	-	10,571,283,466	12,169,168,342	(1,597,884,876)
- Thuế Tài nguyên	5,502,030,400	59,948,642,400	59,696,542,800	5,754,130,000
- Thuế Thu nhập cá nhân	65,485,146	740,614,988	1,663,970,286	(857,870,152)
2. Các khoản phải nộp khác				-
- Nộp phạt				-
- Phí, lệ phí	75,543,981,079	141,341,952,760	152,428,060,742	64,457,873,097
- Các khoản phải nộp khác	4,261,719,110	293,760,000	137,280,000	4,418,199,110
3. Nộp Ngân sách nhà nước phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định			138,412,032,872	

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	295,538,722,428	38,564,031,906	294,882,732,619	39,220,021,715
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	76,483,332,217	55,236,865,060	56,323,166,971	75,397,030,306
3. Quỹ thưởng VCQLDN	608,373,859	232,081,203	30,000,000	810,455,062
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN	-			-
5. Quỹ Khoa học công nghệ	82,680,000,000	5,000,000,000	4,000,000,000	83,680,000,000

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhà nước

Người lập biểu

(Ký)

Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc

(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hùng

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG DNNN THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2021

Tên doanh nghiệp	Cơ quan cấp trên trực tiếp	Loại hình DN		Chỉ tiêu 1			Chỉ tiêu 2				Xếp loại	Chỉ tiêu 3			Nợ quá hạn (tr.đồng)	Xếp loại	Chỉ tiêu 4	Chỉ tiêu 5	Tinh hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của viên chức quản lý		Xếp loại hoạt động viên chức quản lý doanh nghiệp			Xếp loại doanh nghiệp 2021		
		DN 100% vốn NN	CTCP trên 50% vốn NN	Doanh thu và thu nhập khác (tr.đồng)			Lợi nhuận (tr.đồng)		Vốn CSH bình quân (tr.đồng)			Tỷ suất LNV/Vốn CSH (%)		Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Tinh hình chấp hành pháp luật hiện hành	Tinh hình thực hiện nhiệm vụ công ích	Thực hiện tốt	Không thực hiện tốt	Hoàn thành xuất sắc NV	Hoàn thành NV	Không hoàn thành NV			
				Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Xếp loại	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021		Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	TSNH (tr.đồng)			Nợ NH (tr.đồng)	TSNH/NNH (lần)	Xếp loại	Xếp loại						
Tổng công ty, công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con																										
CT TNHH MTV Nước sạch Hà Nội (CT mẹ)	UBND Thành phố Hà Nội	X		1 765 000	1 649 362	B	129 650	129 715	3 460 379	3 422 327	3.75%	3.79%	A	1 617 101	553 000	2.92	0	A	A	A	X		X			A

Người lập biểu

(Ký)



Trần Hoài Hương

Công ty Nước sạch Hà Nội

(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Quốc Hùng